

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính và số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-TTCP ngày 22/12/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan Thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 13/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Hội nghị ngày 06/6/2025 (Kết luận số 217-TB/TU ngày 06/6/2025);

Thực hiện Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 15/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 28 về việc tổ chức lại Thanh tra tỉnh trên cơ sở kết thúc hoạt động của Thanh tra cấp huyện, Thanh tra Sở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 29/TTr-SNV ngày 23/6/2025; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1641/BC-STP ngày 21/6/2025; thực hiện kết luận của UBND tỉnh tại phiên họp ngày 24/6/2025 (Thông báo số 335/TB-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025 và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 10/2015/QĐ-UBND ngày 03/3/2015 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh và số 51/2018/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND.

2. Bãi bỏ các quy định về thanh tra tại các Quyết định có liên quan, cụ thể như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại khoản 2, khoản 4 Điều 1 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ ban hành kèm theo Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

c) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại: khoản 2 Điều 1; khoản 28 và khoản 32 Điều 2; điểm b khoản 2 Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại: điểm d, đ, e, h, l khoản 4, điểm đ, g, h, i khoản 5, khoản 12 Điều 2; điểm b khoản 2 Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương ban hành kèm theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; khoản 5, khoản 6, khoản 8, khoản 11 Điều 1 Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND.

đ) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại: khoản 2 Điều 1; điểm g khoản 19, khoản 37, khoản 41 Điều 2; điểm b và điểm e khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 5 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại: khoản 2 Điều 1; điểm đ khoản 10, khoản 27, khoản 31 Điều 2; điểm b và điểm e khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 5 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành kèm theo Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại: khoản 2 Điều 1; khoản 27, khoản 30 Điều 2; điểm b và điểm đ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 5 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

h) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại: khoản 2 Điều 1; điểm 1 khoản 5, điểm đ khoản 6, điểm g khoản 8, điểm e khoản 9, điểm c khoản 10, điểm b khoản 12, điểm d khoản 13, khoản 23, khoản 24 Điều 2; điểm b và điểm e khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 5 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

i) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại: khoản 2 Điều 1; khoản 16, khoản 19 Điều 2; điểm b và điểm đ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 5 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

k) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại: khoản 2 Điều 1; khoản 22, khoản 25 Điều 2; điểm b và điểm đ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 5 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

l) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại: khoản 2 Điều 1; khoản 29, khoản 32 Điều 2; điểm b và điểm e khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 5 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

m) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại: khoản 2 Điều 1; điểm b khoản 10, điểm đ khoản 11, khoản 30, khoản 33 Điều 2; điểm b và điểm đ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 5 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ; Thanh tra Chính phủ;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thanh tra tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thanh tra, Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh; cụ thể:

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển Thanh tra tỉnh; chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên địa bàn tỉnh và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ban hành các văn bản về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch và các văn bản khác về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

5. Về thanh tra:

a) Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra hàng năm trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc xin ý kiến cấp có thẩm quyền để ban hành theo phân công, phân cấp và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra theo quy định của pháp luật;

b) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của sở và cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc sở và cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở;

d) Thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; thanh tra việc quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh là đại diện chủ sở hữu khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

đ) Thanh tra vụ việc khác khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

e) Thanh tra các vụ việc khác khi Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị (qua kiểm tra có dấu hiệu vi phạm pháp luật đề nghị thanh tra);

g) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh, quyết định xử lý về thanh tra của người có thẩm quyền;

h) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức Thanh tra tỉnh;

i) Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra.

6. Về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Tổ chức tiếp công dân; tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật;

b) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các sở; các cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định;

c) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật, gây

thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức;

d) Xác minh, báo cáo kết quả xác minh và kiến nghị biện pháp giải quyết khiếu nại, xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được giao;

đ) Xem xét việc giải quyết tố cáo mà Giám đốc sở; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết lại theo quy định;

e) Thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật; kiến nghị các biện pháp để thực hiện hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định;

h) Cập nhật thông tin khiếu nại, tố cáo trên cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

7. Về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

a) Tổ chức, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo thẩm quyền hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền;

b) Thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền hoặc khi được giao;

c) Thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại các sở; các cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân xã.

d) Thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đối với công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

đ) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đôn đốc việc xử lý người có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật;

e) Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; quản lý, khai thác, bảo vệ Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản thu nhập;

g) Theo dõi, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

h) Phối hợp với các cơ quan: Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Ban Nội chính Tỉnh ủy và các cơ quan trong khối Nội chính cung cấp, trao đổi thông tin, tài liệu, kinh nghiệm về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tổng hợp, đánh giá, dự báo tình hình tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiến nghị các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

i) Thanh tra, kiểm tra nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi lạm quyền, những nhiễu và các hành vi khác vi phạm pháp luật trong hoạt động chống tham nhũng của Thanh tra tỉnh.

8. Chủ trì, phối hợp với các sở, các cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tình hình, kết quả công tác, tổng kết kinh nghiệm về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

10. Tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hiện công tác thông tin, tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác có thẩm quyền.

11. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra Chính phủ.

12. Thực hiện cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của tỉnh, của ngành và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và quản lý dữ liệu chuyên ngành phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh.

14. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng, các phòng chuyên môn thuộc Thanh tra tỉnh; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, công chức, người lao động; thực hiện các chế độ tiền lương và các chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có quyền đề nghị Giám đốc sở, Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cử công chức có chuyên môn phù hợp tham gia.

17. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo: Thanh tra tỉnh có Chánh Thanh tra và các Phó Chánh Thanh tra. Số lượng Phó Chánh Thanh tra tỉnh thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

a) Chánh Thanh tra tỉnh là người đứng đầu Thanh tra tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Thanh tra Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh và các nhiệm vụ, quyền hạn khác được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, phân công, phân cấp hoặc ủy quyền (nếu có);

b) Phó Chánh Thanh tra tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh, giúp Chánh Thanh tra tỉnh thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Chánh Thanh tra tỉnh phân công và chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra tỉnh và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Thanh tra tỉnh vắng mặt, một Phó Chánh Thanh tra tỉnh được Chánh Thanh tra tỉnh ủy quyền thay Chánh Thanh tra tỉnh điều hành các hoạt động của Thanh tra tỉnh. Phó Chánh Thanh tra tỉnh không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc Thanh tra tỉnh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, nghỉ hưu, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ chính sách khác đối với Chánh Thanh tra tỉnh, Phó Chánh Thanh tra tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, gồm:

a) Văn phòng;

b) 08 phòng chuyên môn:

Phòng Giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra;

Phòng Phòng chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực;

Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và xử lý đơn thư (ký hiệu là NV1);

Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu, nại tố cáo lĩnh vực tài chính, công thương (ký hiệu là NV2);

Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực khoa học công nghệ, tư pháp, văn hóa, thể thao và du lịch (ký hiệu là NV3);

Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (ký hiệu là NV4);

Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực xây dựng (ký hiệu là NV5);

Phòng Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực nội vụ, ngoại vụ, y tế và giáo dục (ký hiệu là NV6).

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, cho từ chức, nghỉ hưu, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu Văn phòng, các phòng chuyên môn trực thuộc Thanh tra tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Biên chế công chức của Thanh tra tỉnh được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, khối lượng công việc và nằm trong tổng biên chế công chức, tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh, được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm, Thanh tra tỉnh xây dựng kế hoạch biên chế công chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 4. Điều khoản tham chiếu

Trong quá trình thực hiện, khi các văn bản pháp luật liên quan đến Quy định này được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới đó.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chánh Thanh tra tỉnh kịp thời ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Văn phòng, các phòng chuyên môn trực thuộc theo quy định của pháp luật; rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm của Thanh tra tỉnh đảm bảo đúng quy định; quy định trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Văn phòng, các phòng chuyên môn trực thuộc; ban hành quy chế làm việc của cơ quan; phân công, bố trí, sắp xếp hợp lý đội ngũ công chức đúng cơ cấu, đảm bảo tiêu chuẩn ngạch và khung năng lực theo từng vị trí việc làm để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, Thanh tra tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thống nhất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.